

Số: 981 /XMHV- TCKT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

THÔNG BÁO

V/v công bố thông tin Báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 3842172 Fax: 0511. 3842441
Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Ngọc Châu
Địa chỉ thường trú: Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. ĐN
Điện thoại: 0935203203/ 0511. 3842529

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Thông tư 52/2012/BTC ngày 05/04/2012 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân thông qua ngày 18/7/2014.

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin thông báo về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán soát xét .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Nhu trên;
- Website;
- Lưu.

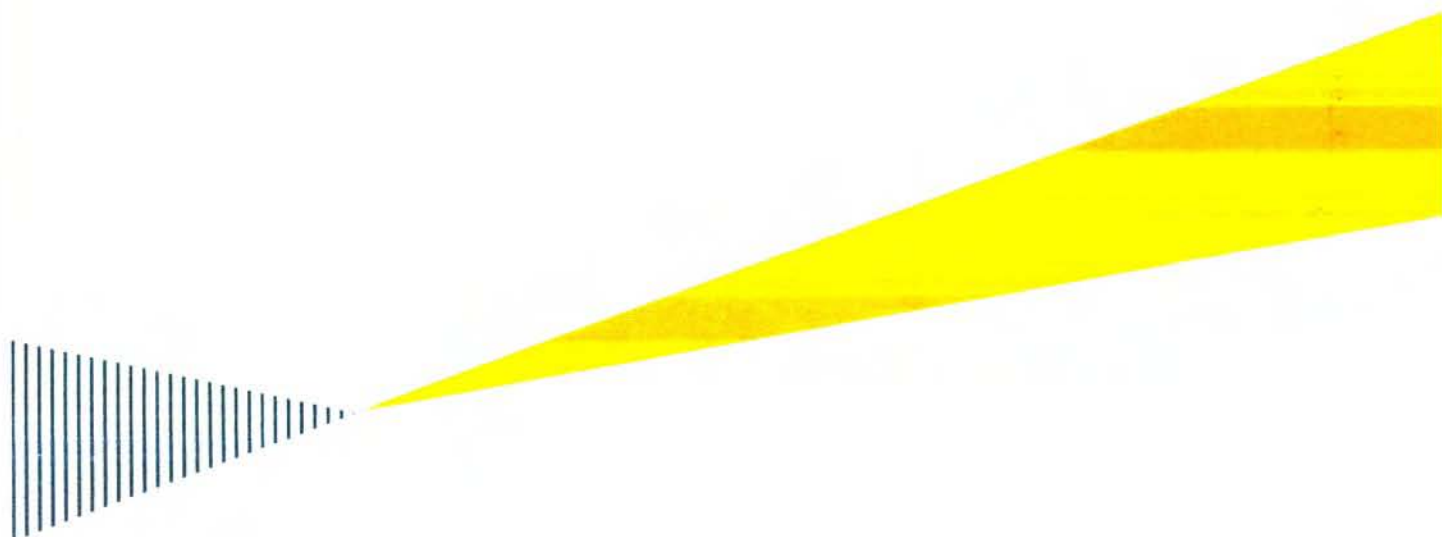


Đinh Ngọc Châu

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số Ngày cấp

0400101235 (thay đổi lần thứ nhất)	Ngày 20 tháng 4 năm 2010
0400101235 (thay đổi lần thứ 2)	Ngày 19 tháng 7 năm 2011
0400101235 (thay đổi lần thứ 3)	Ngày 10 tháng 6 năm 2013
0400101235 (thay đổi lần thứ 4)	Ngày 24 tháng 1 năm 2014
0400101235 (thay đổi lần thứ 5)	Ngày 14 tháng 1 năm 2015

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký hai chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thôn Ấng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; và
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Bùi Viết Minh	Thành viên	
Ông Trần Văn Khôi	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Châu	Thành viên	
Ông Trịnh Tường	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Ngọc Thắng	Trưởng Ban
Ông Hoàng Xuân Thịnh	Thành viên

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khởi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Bùi Việt Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Duy Diễm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Hòa Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Khởi.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Số tham chiếu: 61119178/17685058 - LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thành
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1



Trinh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

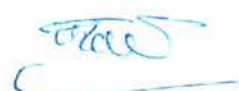
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.553.248.434	237.256.102.589
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	45.648.466.615	64.811.820.969
111	1. Tiền		45.648.466.615	34.811.820.969
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		156.136.689.829	78.313.275.963
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	151.284.635.987	66.601.121.091
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.218.642.600	2.219.024.888
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	7.000.000.000	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	202.521.764	4.177.440.760
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(3.569.110.522)	(4.684.310.776)
140	III. Hàng tồn kho	9	86.585.367.510	88.112.741.652
141	1. Hàng tồn kho		92.142.149.752	93.771.250.613
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.556.782.242)	(5.658.508.961)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.182.724.480	6.018.264.005
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.661.908.428	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.362.104.565	5.859.552.518
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		158.711.487	158.711.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		827.211.513.785	844.352.593.549
220	I. Tài sản cố định		807.797.127.610	829.994.101.740
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	807.769.877.612	829.957.768.408
222	Nguyên giá		1.166.422.362.362	1.163.711.149.028
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(358.652.484.750)	(333.753.380.620)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	27.249.998	36.333.332
228	Nguyên giá		125.222.630	125.222.630
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(97.972.632)	(88.889.298)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		10.142.106.442	10.142.106.442
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	10.142.106.442	10.142.106.442
260	III. Tài sản dài hạn khác		9.272.279.733	4.216.385.367
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.272.279.733	4.216.385.367
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.121.764.762.219	1.081.608.696.138


Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		711.471.434.041	670.715.935.726
310	I. Nợ ngắn hạn		295.565.754.041	232.770.060.726
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	87.796.778.041	84.452.450.453
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		160.172.023	2.216.433.196
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.651.370.537	361.693.434
314	4. Phải trả người lao động		7.401.148.234	19.171.101.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	15.778.184.786	20.692.721.620
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	61.790.966.936	11.661.161.648
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	119.214.436.234	93.356.979.557
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		772.697.250	857.519.250
330	II. Nợ dài hạn		415.905.680.000	437.945.875.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	415.905.680.000	437.945.875.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		410.293.328.178	410.892.760.412
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	410.293.328.178	410.892.760.412
411	1. Vốn cổ phần		399.600.000.000	399.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		399.600.000.000	399.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.665.134	3.665.134
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.233.797.232	4.233.797.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.455.865.812	7.055.298.046
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.355.298.046	32.629.410
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		100.567.766	7.022.668.636
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.121.764.762.219	1.081.608.696.138


Người lập
Đinh Ngọc Châu


Kế toán trưởng
Đinh Ngọc Châu




Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam


Ngày 14 tháng 8 năm 2015

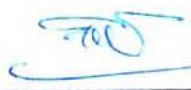
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	433.900.191.169	510.363.527.879
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	(21.728.587.288)	(31.627.385.360)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	412.171.603.881	478.736.142.519
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(356.068.850.963)	(401.396.806.495)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.102.752.918	77.339.336.024
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		486.445.757	492.116.277
22	7. Chi phí tài chính	22	(26.999.626.221)	(27.365.685.855)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(20.559.587.389)	(24.383.598.480)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(19.034.517.024)	(28.100.046.468)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(11.767.575.889)	(12.113.042.214)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.212.520.459)	10.252.677.764
31	11. Thu nhập khác		1.313.088.225	1.099.876.182
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.313.088.225	1.099.876.182
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100.567.766	11.352.553.946
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		100.567.766	11.352.553.946
70	17. Lãi trên cổ phiếu	27	2,52	533,55
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	2,52	533,55


 Người lập
Đinh Ngọc Châu


 Kế toán trưởng
Đinh Ngọc Châu


Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-DN

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		100.567.766	11.352.553.946
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		25.104.854.130	25.486.668.833
03	Các khoản dự phòng		2.793.012.334	162.063.944
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.359.954.341	2.982.087.375
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(486.445.757)	(492.116.277)
06	Chi phí lãi vay		20.559.587.389	24.383.598.480
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.431.530.203	63.874.856.301
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(18.270.704.966)	5.039.668.496
10	Tăng/ (Giảm) hàng tồn kho		1.629.100.862	(22.024.377.678)
11	Tăng các khoản phải trả		8.733.792.414	5.836.248.234
12	(Tăng)/Giảm giảm chi phí trả trước		(9.717.802.794)	4.444.471.780
14	Tiền lãi vay đã trả		(31.005.143.166)	(25.340.078.952)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(34.762.202)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.800.772.553	31.796.025.979
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.907.880.000)	(80.169.558.783)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		486.445.757	492.116.277
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(22.421.434.243)	(79.677.442.506)


Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	19.1	-	214.600.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		277.574.290.503	24.894.558.240
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(280.122.413.826)	(115.438.129.020)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		-	(4.001.408.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(2.548.123.323)	120.055.021.220
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(19.168.785.013)	72.173.604.693
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		64.811.820.969	54.322.017.242
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.430.659	65.358.719
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	45.648.466.615	126.560.980.654


 Người lập
Đinh Ngọc Châu


 Kế toán trưởng
Đinh Ngọc Châu

 Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Xi măng Hải Vân) theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày cấp</u>
0400101235 (thay đổi lần thứ nhất)	Ngày 20 tháng 4 năm 2010
0400101235 (thay đổi lần thứ 2)	Ngày 19 tháng 7 năm 2011
0400101235 (thay đổi lần thứ 3)	Ngày 10 tháng 6 năm 2013
0400101235 (thay đổi lần thứ 4)	Ngày 24 tháng 1 năm 2014
0400101235 (thay đổi lần thứ 5)	Ngày 14 tháng 1 năm 2015

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký hai chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thị xã Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; và
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là: 506 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 507).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 31.

3.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước dài hạn; và
- ▶ Tiền thuê văn phòng trả trước dài hạn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo Hợp đồng thuê đất số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 ký với Công ty Cổ phần đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng trong thời hạn 38 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Phí gia công

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và Công ty nhận được biên bản bàn giao, nghiệm thu từ khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	225.461.634	216.955.947
Tiền gửi ngân hàng	42.372.822.719	32.404.626.957
Tương đương tiền (**)	-	30.000.000.000
Tiền gửi khác (Thuyết minh số 26) (*)	3.050.182.262	2.190.238.065
TỔNG CỘNG	45.648.466.615	64.811.820.969

(*) Tiền gửi khác là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) với mức lãi suất 0,8%/năm cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1,2%/năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(**) Khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn- Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng với lãi suất từ 4%/năm và đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2015.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	138.371.660.596	45.727.361.772
- Công ty TNHH TM&TV Nghệ Giang	25.576.640.367	7.227.715.963
- Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	16.475.493.858	6.020.784.668
- Các khoản phải thu khách hàng khác	96.319.526.371	32.478.861.141
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	12.912.975.391	20.873.759.319
TỔNG CỘNG	151.284.635.987	66.601.121.091
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.537.610.522)	(642.871.469)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Dự phòng phải thu khó đòi đầu kỳ	642.871.469	495.843.525
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.897.739.053	162.063.944
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.000.000)	-
Dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	3.537.610.522	657.907.469

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**5.2 Trả trước cho người bán**

Đơn vị tính: VNĐ

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	1.218.642.600	1.896.147.212
- Doanh nghiệp tư nhân Dũng Hòa	-	399.746.520
- Công ty Cổ phần Thương mại ô tô Long Biên	580.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ mới Kim tự tháp	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Gia Lộc – Powermore	-	626.500.000
- Các khoản trả trước khác	338.642.600	569.900.692
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	322.877.676
TỔNG CỘNG	1.218.642.600	2.219.024.888
Dự phòng trả trước khó đòi	(31.500.000)	(31.500.000)

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoản cho Doanh nghiệp tư nhân Dũng Hòa (“Doanh nghiệp Dũng Hòa”) vay tín chấp. Hàng tháng, Doanh nghiệp Dũng Hòa phải thanh toán cho Công ty lãi suất đối với số tiền đã tạm ứng theo mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Quảng Bình. Số tiền gốc sẽ được khấu trừ vào số tiền cước vận chuyển clinker không quá mười tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014.

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Tạm ứng hợp đồng xây lắp nhà máy xi măng Hải Vân với Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam trước cổ phần hóa	-	3.585.012.557
Phải thu công ty TNHH Thăng Long tiền bán xi măng phục vụ công tác xây dựng trường dân lập Chu Văn An	-	424.926.750
Tạm ứng cho nhân viên	168.284.960	107.462.837
Phải thu khác	34.236.804	60.038.616
TỔNG CỘNG	202.521.764	4.177.440.760
Trong đó:		
Phải thu khác	202.265.402	4.176.807.933
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 26)	256.362	632.827
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (*)	-	(4.009.939.307)

(*) Công ty đã thành lập hội đồng xử lý công nợ và xóa sổ hai khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam và Công ty TNHH Thăng Long và khoản dự phòng đã lập tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	56.264.280.665	-	41.140.520.417	-
Phụ tùng sửa chữa, thay thế	18.944.158.044	5.556.782.242	21.928.681.687	5.658.508.961
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.379.037	-	80.908.595	-
Thành phẩm	15.862.493.556	-	29.623.622.205	-
Công cụ dụng cụ	175.960.714	-	227.292.692	-
Hàng tồn kho khác	835.877.736	-	770.225.017	-
TỔNG CỘNG	92.142.149.752	5.556.782.242	93.771.250.613	5.658.508.961

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	5.658.508.961	1.163.433.904
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(101.726.719)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	5.556.782.242	1.163.433.904

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	506.950.338.935	630.675.356.829	20.127.277.543	5.958.175.721	1.163.711.149.028
- Mua trong kỳ	-	1.140.980.000	1.303.745.455	463.154.545	2.907.880.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(196.666.666)	-	(196.666.666)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 (*)	506.950.338.935	631.816.336.829	21.234.356.332	6.421.330.266	1.166.422.362.362
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	10.350.116.932	143.699.137.783	8.066.920.379	3.173.232.275	165.289.407.369
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	114.590.184.917	203.116.818.163	11.699.999.350	4.346.378.190	333.753.380.620
- Khấu hao trong kỳ	10.090.823.522	13.633.362.503	942.836.964	428.747.807	25.095.770.796
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(196.666.666)	-	(196.666.666)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	124.681.008.439	216.750.180.666	12.446.169.648	4.775.125.997	358.652.484.750
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	392.360.154.018	427.558.538.666	8.427.278.193	1.611.797.531	829.957.768.408
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	382.269.330.496	415.066.156.163	8.788.186.684	1.646.204.269	807.769.877.612

(*) Toàn bộ giá trị tài sản của nhà máy Xi măng Vạn Ninh được thế chấp theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HĐTD-XMHV giữa Công ty và nhóm Ngân hàng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình là ngân hàng đầu mối (Thuyết minh 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	125.222.630
- Tăng trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>125.222.630</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	70.722.630
Giá trị hao mòn:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	88.889.298
- Khấu hao trong kỳ	<u>9.083.334</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>97.972.632</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>36.333.332</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>27.249.998</u>

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Dự án phần mềm Oracle	8.763.715.302	8.763.715.302
Dự án nhà máy xi măng Thăng Lợi	<u>1.378.391.140</u>	<u>1.378.391.140</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.142.106.442</u>	<u>10.142.106.442</u>

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng sửa chữa lớn	1.684.977.591	-
Quyền khai thác mỏ	468.597.502	-
Chi phí thuê nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng trả trước	2.508.333.335	-
TỔNG CỘNG	4.661.908.428	-
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng sửa chữa lớn	5.127.889.101	-
Tiền thuê văn phòng trả trước	63.320.000	67.040.000
Tiền thuê đất trả trước	4.081.070.632	4.149.345.367
TỔNG CỘNG	9.272.279.733	4.216.385.367

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**14.1 Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND			
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả cho người bán				
- Công ty Cổ phần Thương mại, Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hải Dương	8.715.712.000	8.715.712.000	2.264.322.060	2.264.322.060
- Công ty TNHH MTV Nhựa bao Bỉ Việt Phát	5.346.460.000	5.346.460.000	5.430.460.000	5.430.460.000
- Tổng Công ty Điện lực Miền trung	5.216.480.896	5.216.480.896	3.372.823.036	3.372.823.036
- Công ty Cổ phần phát triển Thương mại Miền Trung	4.633.652.000	4.633.652.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	22.681.252.287	22.681.252.287	41.795.737.763	41.795.737.763
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	41.203.220.858	41.203.220.858	31.589.107.594	31.589.107.594
TỔNG CỘNG	87.796.778.041	87.796.778.041	84.452.450.453	84.452.450.453

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30 tháng 6 năm 2015
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	110.010.373.327	108.617.853.479	2.056.276.294
Thuế tài nguyên	191.930.284	1.114.357.475	985.128.849	321.158.910
Phí bảo vệ môi trường	162.757.890	938.185.740	831.900.790	269.042.840
Các loại thuế khác	7.005.260	106.523.858	108.636.625	4.892.493
TỔNG CỘNG	361.693.434	112.169.440.400	110.543.519.743	2.651.370.537

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VNĐ

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	8.619.251.420	9.040.870.898
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ trích trước	3.903.136.426	7.989.731.768
Tiền điện phải trả	2.012.835.960	1.989.057.980
Trích thường sáng tiền cải tiến kỹ thuật	-	670.332.125
Chi phí quảng cáo trích trước	500.000.000	500.000.000
Phí tư vấn	184.090.909	306.818.182
Chi phí phải trả khác	558.870.071	195.910.667
TỔNG CỘNG	15.778.184.786	20.692.721.620
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả khác	15.063.518.117	19.873.832.731
Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 26)	714.666.669	818.888.889

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Quảng Bình nhận nợ từ Công ty Thắng Lợi	-	10.023.936.299
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn mua xi măng	60.950.000.000	-
Cổ tức phải trả	-	62.560.288
Tiền trách nhiệm phải trả công nhân Vạn Ninh	-	701.110.048
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội.	426.179.639	400.483.244
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	414.787.297	473.071.769
TỔNG CỘNG	<u>61.790.966.936</u>	<u>11.661.161.648</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn	119.214.436.234	93.356.979.557
Vay ngân hàng (*)	91.252.356.234	92.343.979.557
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	27.962.080.000	1.013.000.000
Vay dài hạn	415.905.680.000	437.945.875.000
Vay ngân hàng (**)	377.105.680.000	397.945.875.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 26) (**)	38.800.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>535.120.116.234</u>	<u>531.302.854.557</u>

- (*) Đây là các khế ước vay ngắn hạn theo hợp đồng số 01/2014/HĐ ký ngày 18 tháng 8 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bắc Quảng Bình để thanh toán cho các nhà cung cấp với lãi suất 5.02%/năm, thời hạn vay từ 1 đến 6 tháng và đáo hạn trước hoặc trong tháng 11 năm 2015.

Cũng theo hợp đồng này, các khế ước vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng toàn bộ Dự án đầu tư nhà máy Xi măng Vạn Ninh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Tập đoàn Thắng Lợi, toàn bộ tài sản ngắn hạn luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty và toàn bộ số dư tiền gửi, các nguồn thu của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm
2015

Bên cho vay	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ (US\$)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Nhóm các ngân hàng, do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình là ngân hàng đầu mối (***)	298.967.760.000	13.689.000	Trả nợ gốc trong vòng 24 kỳ (6 tháng/kỳ). Trả nợ gốc vào ngày 24 tháng 1 và tháng 7 hàng năm từ ngày 24 tháng 1 năm 2014. Lãi vay được trả hàng kỳ (3 tháng/1 kỳ) vào các ngày 15/1, 15/4, 15/7 và 15/10.	Lãi suất huy động vốn bình quân gia quyền tại ngày điều chỉnh cộng biên độ 3,8%/năm đối với gốc vay VNĐ và cộng biên độ 3,5%/năm đối với gốc vay US\$	Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy xi măng Ang Sơn II (nay là Nhà máy xi măng Vạn Ninh)
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	13.912.080.000	637.000			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) (****)	38.800.000.000		Thời hạn cho vay từ ngày 6 tháng 3 năm 2013 đến ngày 6 tháng 3 năm 2023, thời gian ân hạn 2 năm. Thời gian trả nợ gốc định kỳ vào ngày 26 tháng 1, 4, 7 và 10 sau thời gian ân hạn. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 các tháng 1, 4, 7 và 10. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 26 tháng 7 năm 2013	Theo quy định về lãi suất của CFC	Không
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	4.800.000.000				
TỔNG CỘNG	443.867.760.000				

(***) Ngày 31 tháng 1 năm 2013 Công ty đã ký hợp đồng số 207/HV-TL với Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi về việc chuyển nhượng vốn đầu tư dự án Nhà máy xi măng Ang Sơn II với giá trị chuyển nhượng là 812 tỷ đồng. Theo hợp đồng này Công ty đã ký hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ 3 bên mà Công ty là bên nhận nợ với nhóm ngân hàng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình là ngân hàng đầu mối và bên chuyển giao nghĩa vụ nợ là Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi. Theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng và kế thừa khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình với giá trị là 186.600.000.000 đồng Việt Nam và 13.725.000 đô la Mỹ. Khoản vay này đã được ký lại theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HĐTD-XMHV ngày 24 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình.

(****) Khoản vay từ Công ty Tài Chính cổ phần xi măng (CFC) theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/CFC-HVX ngày 6 tháng 3 năm 2013 với mục đích tài trợ nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy xi măng Ang Sơn II theo hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư Dự án Nhà máy xi măng Ang Sơn II.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Trình bày lại)	185.000.000.000	3.665.134	4.233.797.232	32.629.410	189.270.091.776
- Tăng vốn (*)	214.600.000.000	-	-	-	214.600.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.352.553.946	11.352.553.946
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	11.385.183.356	415.222.645.722
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	7.055.298.046	410.892.760.412
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	100.567.766	100.567.766
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi(**)	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị (**)	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	6.455.865.812	410.293.328.178

(*) Vào ngày 9 tháng 6 năm 2014, Công ty đã nhận Quyết định số 215/QĐ - SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty phát hành thêm 21.460.000 cổ phiếu với tổng mệnh giá là 214.600.000.000 đồng Việt Nam theo mức giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu. Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0400101235 phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 399.600.000.000 đồng Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

(**) Ngày 24 tháng 6 năm 2015, theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 57/XMHV-HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án trích 10% lợi nhuận còn lại năm 2014 cho quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thường cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát với số tiền 140.000.000 Việt Nam đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	%	Tổng số	Cổ phiếu thường	%
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	30.587.760	30.587.760	76,55%	30.587.760	30.587.760	76,55%
Dương Xuân Thủy (*)	1.957.749	1.957.749	4,90%	1.957.749	1.957.749	4,90%
Dương Xuân Chung (*)	1.568.671	1.568.671	3,93%	1.568.671	1.568.671	3,93%
Vũ Viết Hoàn (*)	1.506.820	1.506.820	3,77%	1.506.820	1.506.820	3,77%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	730.970	730.970	1,83%	730.970	730.970	1,83%
Các cổ đông khác	3.608.030	3.608.030	9,03%	3.608.030	3.608.030	9,03%
TỔNG CỘNG	39.960.000	39.960.000	100%	39.960.000	39.960.000	100%

(*) Theo Biên bản thỏa thuận mua cổ phần để bù trừ công nợ ngày 10 tháng 1 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi, hai bên đã đồng ý thỏa thuận chuyển 5.033.240 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam để bù trừ công nợ theo hợp đồng số 207/HV-TL ngày 31 tháng 1 năm 2013. Theo Công văn số 235/CV-TĐTL của Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi ngày 10 tháng 1 năm 2014, Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi đã đề nghị danh sách các cổ đông tham gia mua số lượng cổ phần nêu trên bao gồm ông Dương Xuân Thủy, ông Dương Xuân Chung và ông Vũ Viết Hoàn và đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 01/QĐ/XMHV-HĐQT ngày 14 tháng 1 năm 2014.

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	399.600.000.000	185.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	214.600.000.000
Vốn góp tại cuối kỳ	399.600.000.000	399.600.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	39.960.000	399.600.000.000	39.960.000	399.600.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	39.960.000	399.600.000.000	39.960.000	399.600.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	39.960.000	399.600.000.000	39.960.000	399.600.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	39.960.000	399.600.000.000	39.960.000	399.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông	39.960.000	399.600.000.000	39.960.000	399.600.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu (Năm 2014: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng doanh thu	433.900.191.169	510.363.527.879
Trong đó:		
Doanh thu bán xi măng	404.802.161.584	447.320.074.524
Doanh thu bán clinker	10.571.764.421	43.031.277.629
Doanh thu thương mại	12.378.546.545	13.525.502.601
Doanh thu gia công xi măng	5.076.117.090	3.131.186.466
Doanh thu khác	1.071.601.529	3.355.486.659
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.728.587.288)	(31.627.385.360)
Chiết khấu thương mại	(21.728.587.288)	(31.627.385.360)
Doanh thu thuần	412.171.603.881	478.736.142.519
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán xi măng	383.305.352.760	416.498.546.829
Doanh thu thuần từ bán clinker	10.545.772.707	43.031.277.629
Doanh thu thuần từ thương mại	12.172.759.795	12.719.644.936
Doanh thu thuần từ gia công xi măng	5.076.117.090	3.131.186.466
Doanh thu khác thuần	1.071.601.529	3.355.486.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn bán xi măng	330.447.827.701	345.369.188.329
Giá vốn bán clinker	9.842.587.735	38.439.076.350
Giá vốn bán hàng thương mại	11.398.744.271	12.256.659.767
Giá vốn gia công xi măng	3.316.813.351	2.162.760.980
Giá vốn khác	1.062.877.905	3.169.121.069
TỔNG CỘNG	<u>356.068.850.963</u>	<u>401.396.806.495</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền vay	20.559.587.389	24.383.598.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	80.084.491	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.359.954.341	2.982.087.375
TỔNG CỘNG	<u>26.999.626.221</u>	<u>27.365.685.855</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	19.034.517.024	28.100.046.468
- Chi phí nhân công	3.678.989.947	6.539.606.085
- Chiết khấu thương mại trích trước	2.398.011.218	3.590.006.965
- Chi phí tư vấn bán hàng	1.181.714.384	1.378.589.473
- Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	9.037.778.540	12.616.742.517
- Chi phí quảng cáo	1.148.319.090	2.471.318.816
- Chi phí bán hàng khác	1.589.703.845	1.503.782.612
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11.767.575.889	12.113.042.214
- Chi phí lương quản lý	3.297.065.681	6.246.759.584
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.894.739.053	-
- Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	1.181.714.384	1.378.589.473
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	299.585.997	284.972.855
- Chi phí thuê đất	219.373.082	277.063.312
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.875.097.692	3.925.656.990
TỔNG CỘNG	30.802.092.913	40.213.088.682

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	240.991.025.187	267.139.437.048
Chi phí nhân công	23.237.757.823	36.986.379.494
Chi phí khấu hao và hao mòn	25.104.854.130	25.486.668.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.083.485.383	69.542.340.733
Chi phí khác	29.368.181.905	42.455.069.069
TỔNG CỘNG	371.785.304.428	441.609.895.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	100.567.766	11.352.553.946
<i>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thù lao Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	46.200.000	46.200.000
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	146.767.766	11.398.753.946
Lỗ năm trước chuyển sang	(146.767.766)	(11.398.753.946)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(158.711.487)	(123.949.285)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(34.762.202)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(158.711.487)	(158.711.487)

25.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)**25.2 LỖ chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 6.584.001.051 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 6.730.768.817 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Đơn vị tính: VNĐ			
		Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2015
2013	2018	15.161.321.090	(8.577.320.039)	-	6.584.001.051
TỔNG CỘNG		15.161.321.090	(8.577.320.039)	-	6.584.001.051

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được kiểm tra bởi cơ quan thuế địa phương tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến phần lỗ chưa chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Công ty chưa chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	9.865.326.952	16.461.568.669
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	6.000.000.000	12.549.704.214
		Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng (*)	2.363.428.768	2.907.178.945
		Thanh toán phí tư vấn	1.747.416.580	2.621.466.452
		Góp vốn có phần bằng tiền	-	164.267.600.000
		Thanh toán cổ tức năm 2011	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Vincem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng	1.940.295.940	3.063.290.740
		Thu tiền bán xi măng	1.539.000.000	2.549.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thanh toán tiền mua hàng hóa	700.000.000	9.066.000.000
		Mua xi măng thương mại	1.797.095.924	3.355.039.407
		Phí gia công	2.733.345.795	1.891.350.000
		Bù trừ công nợ	2.226.695.250	2.080.485.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Nhận tiền phí gia công xi măng	2.419.286.465	500.000.000
		Doanh thu bán clinker	-	257.187.745

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	2.342.771.295	739.656.818
		Doanh thu bán clinker	8.155.170.545	39.301.245.000
		Thu tiền phí gia công xi măng	4.000.000.000	48.000.000.000
		Thu tiền bán clinker	11.000.000.000	10.000.000.000
		Bù trừ công nợ	3.424.850.683	2.186.562.176
		Mua xi măng	3.113.500.621	1.987.783.796
		Cho vay clinker	1.105.462.097	1.316.607.980
Nhập clinker trả vay	1.105.462.097	2.395.059.395		
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vật tư	18.598.044.544	17.002.916.545
		Doanh thu bán xi măng	-	4.118.101.670
		Chiết khấu thương mại bán hàng	-	303.331.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Trả gốc vay	1.200.000.000	-
		Lãi vay dài hạn	1.992.444.444	2.212.222.222
		Trả tiền lãi vay dài hạn	2.096.666.664	2.224.444.444
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu	Thanh toán tiền mua nhà máy xi măng Áng Sơn II	23.000.000.000	27.749.111.543
		Bù trừ công nợ	-	50.332.400.000
Công ty TNHH Một thành viên Vincem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Thanh toán tiền quảng cáo trên sân VĐ Lạch Tray	600.000.000	-
Công ty Cổ phần đá Xây dựng Hòa Phát	Cùng chung chủ sở hữu	Mua nhiên liệu	223.058.643	209.436.546
		Mua đá	10.224.353.482	9.321.753.518
		Thanh toán tiền mua đá	10.180.000.000	10.979.480.279
Ông Dương Xuân Thủy	Cổ đồng	Góp vốn cổ phần	-	19.577.490.000
Ông Dương Xuân Chung	Cổ đồng	Góp vốn cổ phần	-	15.686.710.000
Ông Vũ Việt Hoàn	Cổ đồng	Góp vốn cổ phần	-	15.068.200.000

(*) Đây là khoản phí phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Công ty mẹ của Công ty để thực hiện tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh và tư vấn hỗ trợ bán hàng. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên trong kỳ báo cáo.

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng Việt Nam). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền gửi, phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>30 tháng 6 năm 2014</i>
Tiền (Thuyết minh số 4)				
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền gửi thanh toán	3.050.182.262	7.360.908.675
			3.050.182.262	7.360.908.675
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu bán xi măng	-	550.030.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng	555.627.270	666.618.838
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán clinker và gia công xi măng	11.577.361.871	3.903.498.632
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán clinker và gia công xi măng	779.986.250	1.443.265.820
			12.912.975.391	6.563.413.290
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay clinker	-	611.806.560
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Lãi tiền gửi dự thu	256.362	1.879.663
			256.362	613.686.223

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cù,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
Phải trả người bán (Thuyết minh số 14)			
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng, mua nguyên vật liệu	14.601.330.957	20.367.395.428
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu Tiền chuyển nhượng nhà máy Ấng Sơn II	13.000.000.000	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Mua vật tư	12.112.614.242	8.199.638.961
Công ty Cổ phần Đà xây dựng Hòa Phát	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Mua hàng hóa	989.275.659	335.130.345
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Mua xi măng	-	3.317.509.765
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Tiền tài trợ quảng cáo	500.000.000	1.100.000.000
		41.203.220.858	69.319.674.499
Phải trả khác			
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	Công ty mẹ Phải trả cổ tức	-	1.664.400.000
		-	1.664.400.000
Chi phí phải trả (Thuyết minh số 16)			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Lãi vay dài hạn	714.666.669	(818.888.889)
		714.666.669	(818.888.889)
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18)			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty Vay dài hạn	38.800.000.000	40.000.000.000
		38.800.000.000	40.000.000.000

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	132.000.000	165.000.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	751.144.133	499.097.180
TỔNG CỘNG	883.144.133	664.097.180

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.567.766	11.352.553.946
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(280.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	100.567.766	11.072.553.946
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	100.567.766	11.072.553.946
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	39.960.000	20.752.707

(*) Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ phúc lợi khen thưởng cho năm 2015.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có một khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG***Cam kết thuê hoạt động***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các cam kết liên quan đến các khoản tiền thuê đất, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và thuê khai thác đá với phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Vạn Ninh

Ngày 28 tháng 10 năm 2013 Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất số 147/HĐTĐ, 148/HĐTĐ, 149/HĐTĐ, 150/HĐTĐ và 151/HĐTĐ với bên cho thuê đất là UBND tỉnh Quảng Bình đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thuê các thửa đất số 309 (149.781 m²), số 311 và 312 (10.300 m²), số 320 (20.137,3 m²), số 321 (5.414,3 m²), với thời gian thuê đất từ năm 2013 tới năm 2060. Theo quyết định số 21/QĐ-CT của Tổng cục thuế Quảng Bình, Công ty được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 309, 311 và 312 đến hết tháng 12 năm 2018, được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 320 và 321 đến hết tháng 8 năm 2020. Tiền thuê đất các năm tiếp theo sẽ được thực hiện theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Quảng Bình ấn định tại năm phát sinh.

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Hải Vân

Theo hợp đồng số 05/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 1 năm 2007, Phụ lục hợp đồng số 05/2011/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 7 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 6 năm 2013 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê 27.426m² tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 39 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 1 tháng 1 năm 2045 và đơn giá thuê đất là 4.830 đồng/m²/năm. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục 09A/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 2.520 đồng/m²/năm.

Theo hợp đồng số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng Công ty đã thuê diện tích đất 11.425 m² tại vị trí lô G, đường số 3, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 38 năm từ ngày 10 tháng 4 năm 2009 đến ngày 10 tháng 4 năm 2047. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 4.200 đồng/m²/năm.

Hợp đồng thuê nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng tại nhà máy xi măng Vạn Ninh.

Theo hợp đồng số 01/2014/HĐKT ngày 8 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và công ty TNHH XNK Máy móc và Thiết bị Trường Giang, Công ty đã thuê lại toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng PCB30 và PCB40 (đồng bộ), với công suất máy nghiền 7-9 tấn/giờ., năng suất tương đương 45.000 tấn/năm. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 10 năm từ ngày 1 tháng 2 năm 2015 (ngày bàn giao nhà xưởng và dây chuyền nghiền). Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng với mức phí 4,3 tỷ VNĐ/năm trong 5 năm đầu tiên và 3,5 tỷ VNĐ/năm trong 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)***Cam kết và nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư Dự án nhà máy Xi măng Áng Sơn II số 207 ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi đã chuyển nhượng cho Công ty quyền khai thác khoáng sản của các mỏ đá vôi, đá sét, quặng sắt, cao silic làm nguyên liệu sản xuất từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Công ty được phép tiếp tục khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Đông Nam Lèn Áng, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình với thời hạn khai thác đến ngày 25 tháng 4 năm 2042. Cũng theo Giấy phép trên, tổng số tiền Công ty phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 22.492.697.000 đồng Việt Nam chia làm 24 lần nộp, mỗi năm nộp 937.195.000 đồng Việt Nam bắt đầu từ năm 2014. Tính tới thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thanh toán số tiền 937.195.000 đồng Việt Nam cho năm 2015.

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ("Nghị định 203") ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014), đơn vị khai thác khoáng sản có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính trên trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác còn lại từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (ngày có hiệu lực của Luật Khoáng sản 2010). Do Công ty được chuyển nhượng quyền khai thác mỏ đá vôi từ Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 nên Công ty sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả phí cấp quyền khai thác khoáng sản kể từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

Theo Quyết định số 1898/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 5 tháng 9 năm 2014, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đã khai thác từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2013 là 829.826.000 đồng Việt Nam tạm thời chưa thu theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản. Do vậy, Công ty trình bày khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là một khoản nợ tiềm tàng của Công ty cho đến khi có các Quyết định tiếp theo của Thủ tướng chính phủ.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải trả trong tương lai theo quy định tại Nghị định 203 được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	468.597.500	937.195.000
Trên 1 – 5 năm	3.748.780.000	3.748.780.000
Trên 5 năm	16.400.929.500	16.869.517.000
TỔNG CỘNG	20.618.307.000	21.555.492.000

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhân gia công (đồng Việt Nam)	757.256.397	1.773.198.835
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	869	1.095

31. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu tương ứng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ			
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	107.462.837	(107.462.837)	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.069.977.923	107.462.837	4.177.440.760
Vay và nợ ngắn hạn	93.356.979.557	(93.356.979.557)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	93.356.979.557	93.356.979.557
Vay và nợ dài hạn	437.945.875.000	(437.945.875.000)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	437.945.875.000	437.945.875.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.116.898.616	(2.116.898.616)	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.116.898.616	2.116.898.616	4.233.797.232

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

	30 tháng 6 năm 2014 (đã được trình bày trước đây không gồm trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại bao gồm trích quỹ khen thưởng phúc lợi)
Lãi trên cổ phiếu	547,04	533,55
Lãi trên cổ phiếu suy giảm	547,04	533,55

Thuyết minh chi phí sản xuất theo yếu tố giữa niên độ

	30 tháng 6 năm 2014 (đã được trình bày trước đây bao gồm chi phí tài chính)	30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại không bao gồm chi phí tài chính)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.908.026.588	69.542.340.733

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Người lập
Đinh Ngọc Châu



Kế toán trưởng
Đinh Ngọc Châu


M.S.D.N: 0400101235 - 01/14
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG VICEM
HẢI VÂN
LIÊN CHIỂU - TP.ĐÀ NẴNG
Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015